

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị Bồng,
huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2045

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 3244/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 5962/SXD-QH ngày 15 tháng 8 năm 2022 về việc đồ án Quy hoạch chung đô thị Bồng, huyện

Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2045 (kèm theo Tờ trình số 167/TTr-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của UBND huyện Vĩnh Lộc).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị Bồng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2045, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch

Khu vực lập quy hoạch chung bao gồm địa giới hành chính của xã Vĩnh Hùng và xã Minh Tân, có ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc: Giáp xã Thành Long, huyện Thạch Thành;
- Phía Nam: Giáp sông Mã;
- Phía Đông: Giáp xã Vĩnh Thịnh và huyện Hà Trung;
- Phía Tây: Giáp xã Vĩnh Hòa.

Tổng diện tích quy hoạch: 3.337,18 ha. Trong đó diện tích xã Vĩnh Hùng 1.981,111 ha; xã Minh Tân 1.356,068 ha.

2. Tính chất, chức năng

Là đô thị loại V; đô thị trung tâm kinh tế, văn hóa, dịch vụ thương mại, tiểu thủ công nghiệp có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực phía Đông sông Bưởi vùng huyện Vĩnh Lộc. Các khu chức năng gồm:

- Đầu mối giao thông vùng phía Đông huyện Vĩnh Lộc.
- Dịch vụ văn hóa lịch sử và sinh thái.
- Công nghiệp tiểu thủ công nghiệp (TTCN) gắn với cụm công nghiệp Vĩnh Minh.

3. Quy mô

- Dân số hiện trạng năm 2021 khoảng 15.441 người;
- Dân số dự báo phát triển đến năm 2045 khoảng 31.900 người.

4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

4.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

- Đất dân dụng quy hoạch quy hoạch mới: 138,56 ha, đạt chỉ tiêu đạt 84,2m²/người.

- Đất đơn vị ở phát triển mới: 59,96 ha đạt chỉ tiêu 36,4 m²/người.
- Đất công cộng đô thị phát triển mới: 32,78 ha; đạt chỉ tiêu 19,9 m²/người.
- Đất cây xanh đô thị mới: 24,91 ha, đạt chỉ tiêu 15,1 m²/người.

4.2. Chỉ tiêu cơ bản về hạ tầng kỹ thuật

- Cấp nước sinh hoạt: 120 lít/người/ngđ; tỷ lệ cấp nước 100%.
- Chỉ tiêu điện năng: 450kWh/người/năm.
- Thoát nước thải: Tách riêng thoát nước mưa.
- Tiêu chuẩn xử lý chất thải rắn (CTRsh): $\geq 0,9$ kg/người/ngày.

5. Định hướng phát triển không gian, cải tạo đô thị

5.1. Định hướng phát triển không gian toàn đô thị

Đô thị Bông phát triển trên cơ sở các trục không gian chủ đạo như quốc lộ 217, đường tỉnh 516B và các đường huyện theo Quy hoạch vùng huyện Vĩnh Lộc:

- Các trục kết nối không gian
 - + Trục Bắc Nam: Tuyến phía Tây là Đường tỉnh 516B; Tuyến trung tâm là ĐH-VL.13 vào chùa Đa Bút; Tuyến phía Đông là ĐH-VL.15 đi xã Vĩnh An.
 - + Trục Đông Tây: Tuyến trung tâm Quốc lộ 217; Tuyến phía Bắc là ĐH-VL.11 chân núi Mông Cù; Tuyến tránh phía Bắc QL217 là ĐH-VL.12 qua cánh đồng A; Tuyến đê sông Mã phía Nam;
- Khu vực phát triển mới: Tập trung mở rộng phát triển khu vực phía Bắc Quốc lộ 217, phát triển đất du lịch dịch vụ gắn với cảnh quan nông nghiệp, cảnh quan ven sông Mã.
- Khu vực trung tâm đô thị bao gồm: Trung tâm hành chính; văn hoá, Y tế, TDTT đô thị... đã được đầu tư xây dựng, trước mắt giữ nguyên vị trí hiện nay, cân đối diện tích để có hướng đề xuất khu hành chính mới phù hợp với tiêu chí đô thị loại V.
- Bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm và phía Đông khu quy hoạch, đảm bảo khoảng cách ly đối với dân cư đô thị.

5.2. Định hướng không gian cải tạo đô thị

Toàn bộ đất phía Tây Bắc cơ bản giữ nguyên hiện trạng đất ở, đất lâm nghiệp, đất nông nghiệp. Cụ thể như sau:

- Khu vực ổn định, cải tạo nâng cấp: Bao gồm các khu dân cư hiện trạng hiện trạng dọc Quốc lộ 217, tỉnh lộ 516B và tuyến đê dọc sông Mã.

- Khu vực hạn chế phát triển: Phía Đông, phía Bắc gần với núi Báo và núi Mông Cù - hạn chế phát triển triển dân cư mới. Giữ nguyên đất nông nghiệp, lâm nghiệp theo hướng cải tạo phục vụ nâng cao năng suất hoặc làm dịch vụ sinh thái, kết hợp với du lịch nông lâm nghiệp.

- Các khu sản xuất: Đề xuất di dời các cơ sở sản xuất hiện nay đang ở xen trong các khu dân cư về cụm công nghiệp Vĩnh Minh nhằm giảm bớt gây ô nhiễm môi trường. Tập trung nghiên cứu hướng phát triển một nghề trọng điểm là chế tác đá tâm linh, bố trí các dự án công nghiệp sạch (may mặc...).

6. Quy hoạch sử dụng đất

Tổng diện tích quy hoạch 3.337,18 ha, bao gồm:

- Đất xây dựng đô thị: 999,04 ha, trong đó:

+ Đất dân dụng hiện trạng: 344,80 ha;

+ Đất dân dụng quy hoạch mới: 138,56 ha;

+ Đất ngoài dân dụng: 515,67 ha;

- Đất khác: 2.338,14 ha.

6.1. Thống kê sử dụng đất

STT	Chức năng lô đất	Đến năm 2030 (22.600 người)		Đến năm 2045 (31.900 người)	
TỔNG DIỆN TÍCH LẬP QUY HOẠCH		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
		3337,18	100,0%	3337,18	100,0%
A	Đất xây dựng đô thị	867,59	26,0%	999,04	29,9%
I	Đất dân dụng	418,17	12,53%	483,37	14,48%
Ia	Đất dân dụng hiện trạng	344,80	10,33%	344,80	10,33%
1	Đất đơn vị ở hiện trạng cải tạo	299,80	8,98%	299,80	8,98%
1.1	Đất nhóm nhà ở hiện trạng cải tạo	282,91		282,91	
1.2	Đất dịch vụ - công cộng đơn vị ở hiện trạng cải tạo	9,58		9,58	
1.3	Đất cây xanh đơn vị ở hiện trạng cải tạo	7,31		7,31	

2	Đất công cộng đô thị hiện trạng	10,63	0,32%	10,63	0,32%
2.1	Đất DVTM đô thị hiện trạng	8,63		8,63	
2.2	Đất giáo dục hiện trạng	2,00		2,00	
3	Đất hạ tầng kỹ thuật đô thị hiện trạng	34,37	1,03%	34,37	1,03%
Ib	Đất dân dụng mới	73,37	2,20%	138,56	4,15%
1	Đất đơn vị ở mới	24,04	0,72%	59,96	1,80%
1.1	Đất đơn vị ở phát triển mới	18,08		51,30	
1.2	Đất dịch vụ - công cộng đơn vị ở mới	1,82		4,52	
1.3	Đất cây xanh đơn vị ở phát triển mới	4,14		4,14	
2	Đất công cộng đô thị mới	26,82	0,80%	32,78	0,98%
2.1	Đất dịch vụ thương mại đô thị mới	23,01		23,01	
2.2	Đất văn hóa thể thao	3,81		8,74	
2.3	Đất giáo dục mới	0,00		1,03	
3	Đất cây xanh đô thị	9,96	0,30%	24,91	0,75%
4	Đất hạ tầng kỹ thuật đô thị	12,55	0,38%	20,91	0,63%
II	Đất ngoài dân dụng	449,42	13,47%	515,67	15,45%
1	Đất Công nghiệp	28,07	0,84%	44,98	1,35%
2	Đất Kho tàng	2,05	0,06%	2,05	0,06%
3	Đất TT Nghiên cứu, đào tạo	7,04	0,21%	7,04	0,21%
4	Đất Cơ quan	0,48	0,01%	1,20	0,04%
5	Đất Trung tâm y tế	3,38	0,10%	9,36	0,28%
6	Đất Du lịch	19,78	0,59%	49,44	1,48%
7	Đất Tôn giáo, Di tích	13,82	0,41%	13,82	0,41%
8	Đất Đầu mối HTKT	6,86	0,21%	9,19	0,28%
9	Đất cây xanh (ngoài dân dụng)	35,39	1,06%	35,39	1,06%
10	Đất An ninh quốc phòng	0,00	0,00%	0,00	0,00%
11	Đất Nghỉ trang	1,03	0,03%	11,68	0,35%
12	Đất dự kiến quy hoạch dài hạn	222,79	6,68%	222,79	6,68%
13	Đất Giao thông	108,73	3,26%	108,73	3,26%
B	Đất khác	2469,59	74,00%	2338,14	70,06%
1	Đất Nông nghiệp	797,12	23,89%	665,67	19,95%
2	Đất Lâm nghiệp, đồi núi	1344,12	40,28%	1344,12	40,28%
3	Cây xanh, mặt nước	328,35	9,84%	328,35	9,84%

6.2. Phân khu chức năng

6.2.1. Khu chức năng đơn vị ở

Đô thị được chia thành 4 đơn vị ở, gồm:

- Đơn vị ở số 1: Gồm 07 thôn phía Đông Nam xã Vĩnh Hùng chủ yếu khai thác du lịch tâm linh, trồng rừng sản xuất.

- Đơn vị ở số 2: Gồm các thôn thuộc xã Minh Tân (xã Vĩnh Tân cũ) chủ yếu khai thác du lịch trải nghiệm, kết hợp du lịch tâm linh và trồng rừng sản xuất.

- Đơn vị ở số 3: Gồm các thôn thuộc xã Minh Tân (xã Vĩnh Minh cũ) chủ yếu khai thác nghề thủ công chế tác đá mỹ nghệ.

- Đơn vị ở số 4: Gồm 04 thôn phía Tây Bắc xã Vĩnh Hùng chủ yếu sản xuất nông nghiệp, trồng rừng sản xuất, du lịch.

Trong đó:

- Đất đơn vị ở hiện trạng cải tạo: 299,80 ha; chiếm 28,19% đất xây dựng đô thị. Là các khu vực dân cư hiện hữu cải tạo (đất ở nông thôn bao gồm cả đất nông nghiệp gắn với đất ở); đất nông nghiệp khác trong khu dân cư hiện trạng cần kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng đúng mục đích sử dụng đất.

- Đất đơn vị ở mới: 59,96 ha; chiếm 5,64% đất xây dựng đô thị.

6.2.2. Khu chức năng dịch vụ thương mại, dịch vụ tổng hợp

Được bố trí trên trục chính đô thị (tuyến QL 217, tuyến ĐH-VL.12 tránh phía Bắc và tuyến ĐH-VL.13 vào chùa Đa Bút); Đây là khu vực có vị trí kết nối giao thông quan trọng và là động lực thúc đẩy phát triển chung cho toàn đô thị. Khu đất có ký hiệu từ TM-01 đến TM-08 (đất thương mại dịch vụ), tổng diện tích là 23,01 ha.

6.2.3. Khu chức năng tôn giáo, di tích

- Bao gồm đất các khu di tích hiện trạng trong quần thể di tích Quốc gia Phủ Trịnh và chùa Đa Bút; đất di tích Đền bà Chúa (khu rồng đá, tượng đá) thuộc quần thể di tích chùa Đa Bút.

- Khoanh vùng bảo vệ các cụm di tích lịch sử văn hóa, tôn giáo và không gian phát huy giá trị di tích tại khu vực có tổng diện tích 13,82 ha.

6.2.4. Khu chức năng sản xuất kinh doanh

- Cụm công nghiệp đá Vĩnh Minh các lô đất có ký hiệu CN-01 đến CN-06: Đất công nghiệp sạch CN-07, CN-08 tại vị trí xen kẽ đô thị, dọc QL. 217 và tỉnh lộ 516B; Đất thương mại dịch vụ cho cụm công nghiệp Vĩnh Minh, phía Đông khu quy hoạch, lô đất có ký hiệu CM-01. Đất Công nghiệp có tổng diện tích 44,98 ha.

- Bố trí đất kho tàng cho cụm công nghiệp chế tác đá, tiếp giáp QL. 217 và cụm công nghiệp Vĩnh Minh. Đất kho tàng có tổng diện tích 2,05 ha.

6.2.5. Khu chức năng Du lịch

- Dự kiến bố trí 02 khu du lịch sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng cho đô thị và các vùng phụ cận, bao gồm:

+ Khu du lịch sinh thái sông nước DL-01 diện tích 32,44 ha, chủ yếu là du lịch sinh thái trải nghiệm kết hợp nông nghiệp (trồng cây sen, súng, củ ấu...), dạng resort mật độ thấp (kết hợp với đất nông nghiệp cảnh quan du lịch) là khu vực phục vụ tiêu thoát cho khu vực;

+ Khu du lịch nghỉ dưỡng hồ Đồng Mực DL-02 diện tích 17,0 ha.

- Khách du lịch lưu trú trong các công trình có chức năng lưu trú (nhà nghỉ, khách sạn, resort...) trong các khu đất Du lịch và đất Dịch vụ (phục vụ du lịch).

6.2.6. Khu trung tâm và không gian mở của đô thị

a) Khu trung tâm Hành chính, Văn hóa, Thể thao, Y tế, Giáo dục của đô thị

Ưu tiên bố trí quỹ đất quy hoạch các công trình, thiết chế văn hóa - thể thao của đô thị đảm bảo theo tiêu chuẩn và tạo điểm nhấn đô thị. Cụ thể như sau:

- Khu hành chính của đô thị: Bố trí tại vị trí hiện trạng tại khu Công sở xã Minh Tân để xây dựng công trình trụ sở UBND, HĐND, MTTQ, các đoàn thể khác và mở rộng về phía Bắc giáp với QL. 217 để xây dựng trụ sở công an, thuế vụ, phòng cháy chữa cháy.... Tổng diện tích là 1,2 ha.

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao đô thị: Bố trí khu quảng trường tại vị trí trước khu trung tâm hành chính, khu đất có ký hiệu QT diện tích khoảng 1,7 ha; Bố trí khu Trung tâm thể dục thể thao cấp vùng trên tuyến ĐH-VL.13 về phía Bắc QL. 217, khu đất có ký hiệu TDDT diện tích 3,68 ha; Trung tâm văn hóa đô thị tại vị trí phía Đông khu TDDT, khu đất có ký hiệu VH diện tích 3,36 ha.

- Trung tâm y tế đô thị: Bố trí tại vị trí giao giữa tuyến ĐH-VL.12 và ĐH-VL.13 khu đất có chức năng bệnh viện đa khoa, lô đất có ký hiệu YT-01 diện tích 1,78 ha; Khu đất tại vị trí dự kiến Phân viện Bệnh viện miền xuôi mở rộng, gần Phân viện Bệnh viện miền xuôi cũ, lô đất có ký hiệu YT-02 diện tích 0,58 ha. Đất y tế (dự kiến bổ sung xây dựng các công trình cho khu vực đô thị Bông và các vùng lân cận như nhà dưỡng lão hoặc trung tâm y tế cộng đồng, nhà điều dưỡng....) có ký hiệu YT-03 diện tích 7,0 ha.

- Trung tâm Giáo dục của đô thị cơ bản đã có là đất Trường THPT Tổng Duy Tân, đất có ký hiệu GD diện tích hiện có và mở rộng là 3,03 ha.

- Trung tâm nghiên cứu bố trí gần cầu Yên Hoà, phía Đông Tỉnh lộ 516B giáp chân núi Báo, để nghiên cứu phát triển cây Sâm Báo là sản phẩm đặc sản địa phương, lô đất ký hiệu NC diện tích 7,04 ha.

b) Khu Trung tâm thương mại của đô thị

Đất thương mại dịch vụ đô thị hiện trạng là đất dịch vụ thương mại nằm rải rác trong khu dân cư; Đất 03 chợ hiện trạng theo quy hoạch hệ thống chợ toàn tỉnh là chợ dân sinh cấp III, gồm chợ xã Vĩnh Hùng thuộc xã Vĩnh Hùng, chợ Bồng và chợ Cung thuộc xã Minh Tân. Đất thương mại dịch vụ hiện trạng tổng diện tích khoảng 8,63 ha.

6.2.7. Công viên cây xanh và không gian mở của đô thị

a) Công viên cây xanh và Sân tập luyện thể thao cơ bản

- Tận dụng tối đa các yếu tố cây xanh, mặt nước đã có trong đô thị, như sân tập thể thao, các lô đất cảnh quan ven sông cánh đồng A, ven kênh hồ Đồng Mục... các lô đất có ký hiệu từ CXĐT-01 đến CXĐT-03.

- Ở mỗi tiểu khu bố trí một khu vực sinh hoạt văn hóa và mỗi Đơn vị ở bố trí sân thể thao cho người dân đô thị, bao gồm: Sân thể thao Vĩnh Hùng có ký hiệu CXD1; Sân Vĩnh Tân (cũ) có ký hiệu CXD2; Sân Vĩnh Minh (cũ) có ký hiệu CXD3; Bố trí thêm sân thể thao mới tại thôn Sóc Sơn 2 có ký hiệu CXD4 cho đơn vị ở số 4.

- Tổng diện tích cây xanh đô thị khoảng 24,91 ha, đạt chỉ tiêu 15,1 m²/người.

b) Các khu vực khác

Các khu vực đất nông nghiệp quanh khu vực quy hoạch đô thị cũng có thể thành những không gian mở phục vụ những hoạt động văn hóa và du lịch gắn liền với quần thể di tích lịch sử, với hoạt động sản xuất nông nghiệp của địa phương. Các lô đất cảnh quan ven sông Mã, cảnh quan núi Côn Sơn, đất cây xanh cảnh quan giải phóng dân cư ngoài đê....các lô đất có ký hiệu từ CXCQ-01 đến CXCQ-04.

6.2.8. Đất dự kiến phát triển dài hạn

Bố trí các khu vực dự kiến phát triển gồm: Các khu đất Dự kiến quy hoạch dài hạn cho trung tâm thương mại đầu mối chính của vùng (là trung

tâm phân phát luồng hàng hóa và đầu mối các hoạt động thương mại và dịch vụ xã hội chính cho vùng huyện, với các hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại dịch vụ du lịch, dịch vụ vận tải, kho bãi); Các khu dân cư dự kiến phát triển; các lô đất công nghiệp sạch không ô nhiễm thu hút nhiều lao động ... Các lô đất Dịch vụ (phục vụ du lịch) có ký hiệu từ TDPT-01 đến TDPT-03; đất Thương mại có ký hiệu từ TMPT-01 đến TMPT-04; đất dân cư có ký hiệu từ DPT-01 đến DPT-04; đất công nghiệp có ký hiệu CNPT-01 đến CNPT-04. Tổng diện tích đất là 222,79 ha.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

7.1. Quy hoạch giao thông

a) Giao thông đối ngoại

- Quốc lộ 217 đường cấp III đồng bằng, mặt cắt 1-1 rộng 31 m: mặt đường 15,0m; hè 2x8,0m.

- Tỉnh lộ 516B đường cấp III đồng bằng, mặt cắt 1a-1a rộng 25m: mặt đường 15,0m; hè 2x5,0m.

- Tuyến ĐH-VL.12 (phụ trợ tránh tuyến QL. 217) mặt cắt 2a-2a rộng 44m: mặt đường 15,0m; phân cách 2x2,0m; đường gom 2x7,5m; vỉa hè 2x5,0m. Tuyến ĐH-VL-12 kéo dài kết nối với Quốc lộ 217 tại vị trí km12+670 (địa phận xã Vĩnh Thịnh).

b) Giao thông đối nội

- Đường khu vực phát triển mới: Đường trung tâm đô thị mặt cắt 2b-2b rộng 42,0m: mặt đường 2x15,0m; phân cách 2,0m; vỉa hè 2x5,0m. Đường khu vực mặt cắt 2-2 rộng từ 17,5m÷20,5m và mặt cắt 2c-2c rộng 22,0m.

- Đường khu vực cải tạo: Mặt cắt 4-4 rộng 15,5m÷17,5m.

- Đường đê sông Mã: Mặt cắt 3-3 nền rộng 9,0÷12,0m; Xây dựng mới tuyến đê bao khu đất 45 ha phía Đông cầu Yên Hoà, mặt cắt đỉnh 6m. Mặt đê đảm bảo cao trình $\geq +11,50\text{m}$.

c) Các công trình giao thông đầu mối

Bến xe: Xây dựng mới một bến xe loại IV tại khu vực phía Bắc quốc lộ 217 đoạn trung tâm đô thị, với quy mô 0,4 ha.

d) Giao thông đường thủy nội địa

- Theo quy hoạch vùng huyện Vĩnh Lộc, tuyến đường thủy nội địa trên sông Mã qua khu vực lập quy hoạch được định hướng cấp V Đường thủy nội địa, cho tàu thuyền có trọng tải 50T, do địa phương quản lý.

- Về bến thủy nội địa: 01 bến du lịch tại vị trí khu di tích Quốc gia Phủ Trịnh.

7.2. Quy hoạch cấp nước

a) Nhu cầu nguồn nước đô thị Bồng: 5.500 m³/ngày.đêm

Tổng nhu cầu cấp nước cho đô thị Bồng và các vùng lân cận là 14.200 m³/ngày.đêm; Trong đó: Đô thị Bồng 5.500 m³/ngày.đêm; Đô thị Hà Lĩnh 2.900 m³/ngày.đêm; Vùng huyện Vĩnh Lộc 4.500 m³/ngày.đêm; Thát thoát khác 1.300 m³/ngày.đêm.

b) Nguồn nước: Hiện tại trạm cấp nước công suất Q=2.800 m³/ng.đêm khai thác nguồn nước mặt sông Mã, cần quy hoạch nâng công suất Q=14.200 m³/ng.đêm. Đất Nhà máy nước Vĩnh Hùng, hiện có diện tích khoảng 0,45 ha, cần mở rộng khoảng 2,91 ha.

c) Mạng lưới: Mạng lưới cấp nước mạng vòng, mạng cắt đảm bảo cấp nước cho khu vực. Tuyến ống cấp nước theo các trục giao thông, ống uPVC đường kính D110 ÷ D200, nối vào các ống HDPE vào các khu dân cư D50 ÷ D90.

d) Hệ thống cứu hỏa: Lắp đặt các họng cứu hỏa trên các tuyến giao thông chính tiếp cận các công trình phòng hỏa, bán kính phục vụ cứu hỏa 150m, ống cứu hỏa áp lực thấp D110 ÷ D200.

7.3. Quy hoạch san nền - Thoát nước

a) Chuẩn bị nền xây dựng

Khu vực dọc theo đường Quốc lộ 217 giữ nguyên hiện trạng cao độ nền (6,50÷8,94) m; Khu vực phía Nam Quốc lộ 217 đến đê sông Mã thuộc xã Minh Tân cao độ nền xây dựng (7,50÷11,08) m; Khu vực phía Nam Quốc lộ 217 đến đê sông Mã thuộc xã Vĩnh Hùng cao độ nền xây dựng (7,78÷11,75) m; Khu vực phía Bắc Quốc lộ 217 đến núi Mông Cù cao độ nền xây dựng (7,5÷ 8,0) m (riêng khu vực cánh đồng A: đất Du lịch có mật độ xây dựng 5% chỉ san nền phần đất xây dựng công trình, phần đất còn lại cùng với đất cảnh quan du lịch không làm thay đổi cao độ hiện trạng, chỉ cải tạo để làm du lịch

sinh thái, phù hợp chức năng tiêu thoát lũ của lưu vực). Độ dốc san nền $\geq 0,04\%$. Hướng tiêu thoát chính từ Bắc xuống Nam.

b) Các công trình đầu mối tiêu úng và chống lũ

Hệ thống đê bao: củng cố các kè đê bảo vệ cho các khu vực an toàn theo các dự án của thủy lợi; Hệ thống cống điều tiết qua đê: Gia cố, tận dụng các cống hiện trạng;

c) Thoát nước mưa

- Lưu vực 1: Hạ lưu hồ đồng Mực (trữ lượng hữu ích 0,6 triệu m³) xã Vĩnh Hùng diện tích 934 ha nước mưa được thiết kế tiêu trực tiếp ra sông Mã qua kênh tiêu Hón Thác và cống Chùa Kim (K22+770).

- Lưu vực 2: diện tích 2.410ha được thiết kế thoát theo kênh tiêu quy hoạch, sau đó thoát về kênh tiêu Bồng Thôn và xả trực tiếp ra sông Mã qua cống Bồng Thôn (K20+900).

- Hệ thống: Cải tạo các đường cống cũ, xây dựng hệ thống cống thoát riêng.

- Mạng lưới: Tập trung về các hồ điều hòa và sông Mã.

- Kết cấu: Dùng kết cấu hỗn hợp, mương xây trong các đường ngõ nhỏ, cống hộp ở các đường lớn hoặc cống tròn bê tông đường phố chính.

d) Thoát nước thải

- Chỉ tiêu thoát nước thải 90% cấp nước.

- Tổng lượng nhu cầu nước thải: 4.700 m³/ng.đêm.

Trong đó, thoát nước thải cho sinh hoạt: Đô thị Bồng khoảng 3.800 m³/ng.đêm; Nước thải cho công nghiệp khoảng 900 m³/ng.đêm.

- Giải pháp tách thoát nước thải, nước mưa riêng. Nước thải sinh hoạt khu dân cư, khu công cộng sau khi được xử lý tại chỗ bể tự hoại của từng công trình sẽ được dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung bố trí theo lưu vực thoát nước.

- Xây dựng 02 trạm xử lý nước thải TXLNT1, TXLNT2 cho khu vực dân cư và khu công cộng với tổng công suất 3.800m³/ng.đêm và 01 trạm xử lý nước thải XLNTCN cho cụm công nghiệp Vĩnh Minh với công suất 900 m³/ng.đêm. Sau xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường xả ra sông Mã.

7.4. Quy hoạch chất thải, vệ sinh môi trường và nghĩa trang

a) Thu gom chất thải rắn (CTR), vệ sinh môi trường

- Tỷ lệ thu gom: 90% lượng CTR sinh hoạt được thu gom.
- CTR sinh hoạt: 0,9 kg/người/ng.đêm.
- Tổng lượng CTR sinh hoạt : 28,7 tấn/ng.đêm.
- Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt tại Vĩnh Hòa, công nghệ đốt trên diện tích 1,0ha mở rộng lên 4ha (phê duyệt Quy hoạch chất thải rắn tại Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa):
- CTR công nghiệp: 0,3 tấn/ha/ng.đêm.
- Tổng lượng CTR công nghiệp : 13,5 tấn/ng.đêm.
- Đối với chất thải rắn công nghiệp: Được phân loại ngay từ các nhà máy và các đơn vị sản xuất sau đó được vận chuyển trực tiếp đến khu xử lý CTR công nghiệp theo quy hoạch tại phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn.

b) Nghĩa trang

Quy hoạch nghĩa trang tập trung số 2 theo Quy hoạch vùng huyện Vĩnh Lộc tại vị trí chân núi Mông Cù, phía Đông Bắc khu đất quy hoạch, quy mô 10,65 ha

Khu nghĩa trang hiện có đang sử dụng hình thức chôn lấp hỗn hợp gồm có khu địa táng và cải táng, trong giai đoạn quy hoạch chỉ cho phép tồn tại các nghĩa trang cách xa khu dân cư tối thiểu 500m, khuyến khích cải tạo chỉnh trang theo mô hình nghĩa trang sinh thái, tiến tới đóng cửa, di chuyển về khu quy hoạch tập trung và chuyển thành công viên nghĩa trang và cây xanh đô thị.

7.5. Quy hoạch cấp điện

a) Nguồn điện

Tuyến đường dây trung áp 35 kV từ trạm biến áp 110 kV Hà Trung và Trạm biến áp 110kV Vĩnh Lộc xây dựng mới, cấp điện cho các trạm biến áp trong khu vực cung cấp điện sinh hoạt và điện sản xuất công nghiệp.

b) Trạm biến áp

Tổng công suất điện: 22.000 KW

- Đề xuất nâng cấp trạm biến áp trung gian 110kV Vĩnh Minh lên 3x7.500+1x25.000 KW - 35/22KV đảm bảo công suất cho đô thị Bồng và tiểu vùng phía Đông huyện Vĩnh Lộc.

- Các máy biến áp phụ tải có công suất 180kVA, 250kVA, 400kVA, 560kVA đảm bảo bán kính cấp điện không quá 500m, được lấy nguồn từ trạm 110kV xây dựng mới.

- Dỡ bỏ trạm biến áp trung gian hiện có.

c) Mạng lưới điện cao áp, trung áp

- Lưới điện cao áp 220kV, 110kV giữ nguyên theo hiện trạng.

- Lưới điện trung áp 35kV: Tiếp tục vận hành và phát triển lưới điện 35kV cấp điện cho các trạm biến áp phân phối, cụm công nghiệp.

- Lưới điện trung áp 22kV: Lưới điện trung áp 10kV hiện hữu cải tạo sang lưới 22kV. Các tuyến đường dây xây mới được thiết kế theo tiêu chuẩn lưới 22kV.

- Mạng lưới hạ áp: Cải tạo lại các tuyến đường dây hạ thế hiện hữu đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật.

7.6. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động

a) Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng

Tiếp tục duy trì nâng cấp 3 điểm BD-VH xã (Vĩnh Hùng, Minh Tân) đáp ứng nhu cầu cung cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông công cộng phục vụ cấp ủy Đảng, Chính quyền và nhu cầu sử dụng dịch vụ của nhân dân trên địa bàn.

b) Hạ tầng viễn thông

- Mạng điện thoại cố định, Internet cố định: Với nhu cầu dự báo nhu cầu thuê bao điện thoại cố định, Internet băng thông rộng cố định, truyền hình qua mạng viễn thông trong khu vực nghiên cứu cần đầu tư nâng cấp trạm truy nhập quang (AON, PON) đảm bảo 80% số hộ được sử dụng hạ tầng mạng internet băng thông rộng; Xây dựng các tuyến cáp quang trong khu vực nghiên cứu.

- Mạng thông tin di động: Đầu tư xây dựng các cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động thân thiện với môi trường, dùng chung cho các doanh nghiệp viễn thông trong khu vực nghiên cứu. Phạm vi bán kính phủ sóng của 01 trạm từ 300 đến 500 m, đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ thông tin di động băng thông rộng tốc độ cao, xây dựng cột ăng ten thân thiện với môi trường.

- Mạng truyền dẫn

- + Mạng cáp được xây dựng ngầm hóa toàn bộ các tuyến cáp dọc các tuyến đường chính, đường nội bộ trong khu vực nghiên cứu nhằm đảm bảo an toàn thông tin và mỹ quan đô thị.

- + Xây dựng hệ thống cống bể theo nguyên tắc tổ chức mạng ngoại vi và có khả năng sử dụng chung cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác sử dụng cống bể để phát triển dịch vụ.

- Nhu cầu viễn thông: 13.900 lines

- Hiện trạng cải tạo nâng cấp 3 Trạm tổng đài viễn thông, 14 Trạm phát sóng viễn thông BTS. Quy hoạch mới 10 trạm phát sóng viễn thông BTS.

8. Quy định bảo vệ môi trường

Các khu xử lý nước thải được phân ra theo từng lưu vực thoát nước để đảm bảo nước tự chảy, nước sau khi được xử lý sẽ được thoát ra sông Mã.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Được phân loại tại nguồn, thu gom và đưa về khu chứa chất thải rắn tập trung (theo quy hoạch).

- Nghiêm cấm việc chôn thả gia súc, gia cầm trên đường phố, trên mặt nước sạch, coi trọng việc trồng cây xanh, tạo cho đô thị môi trường sinh thái xanh - sạch - đẹp. Tổ chức thu gom xử lý rác thải 100%.

- Trồng cây xanh 2 bên trục đường giao thông, chọn loại cây có nhiều bóng mát, ít sâu bệnh và chịu được gió bão. Xây dựng và trồng cây cho khu công viên chính của đô thị, đặc biệt chú trọng trồng cây xanh vườn hoa, gắn cây xanh với mặt nước, tạo thành điểm nhấn của đô thị, đáp ứng yêu cầu vui chơi nghỉ ngơi của người dân. Tổ chức trồng cây xanh, sân vườn, khuôn viên, bồn hoa trong các khu vực đất công trình công cộng.

9. Các hạng mục ưu tiên đầu tư

a) Dự án ưu tiên đầu tư

- Giai đoạn 2020÷2025: Các công trình dịch vụ cơ bản của đô thị

- + Xây dựng một số tuyến Đường huyện ĐH-VL.12 phụ trợ tránh QL. 217; tuyến trung tâm Đường huyện ĐH-VL.13 vào chùa Đa Bút; tuyến đường vào khu nghĩa trang tập trung số 2...;

- + Lập quy hoạch 1/500 và xây dựng mới các khu dân cư đô thị Bông;

- + Thu hút đầu tư hoàn thiện hạ tầng Khu nghĩa trang tập trung số 2;
- + Xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Vĩnh Minh;
- + Mở rộng công sở hành chính đô thị;

+ Xây dựng các nhà máy, công xưởng có vai trò tăng tỷ lệ công nghiệp trong cơ cấu phát triển kinh tế và thu hút, tạo việc làm cho lao động địa phương cũng như các khu vực lân cận như: Nhà máy sản xuất hàng may mặc xuất khẩu tại xã Vĩnh Hùng, Nhà máy may xuất khẩu Minh Tân tại xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc...;

- + Đầu tư xây dựng hệ thống cấp điện, chiếu sáng các trục chính đô thị;
- + Thu hút đầu tư để xây dựng bệnh viện tư nhân, phân viện khu vực Vĩnh Minh, khu cai nghiện tập trung ...;
- + Thu hút các doanh nghiệp có tiềm năng đầu tư du lịch sinh thái sông nước Đồng A.

- Giai đoạn 2025÷2030:

- + Xây dựng Trung tâm thể thao cấp vùng thu hút đầu tư cho khu vực lân cận;
- + Xây dựng các tuyến đường chính đô thị, đường chính khu vực theo quy hoạch đảm bảo đồng bộ theo quy hoạch được duyệt;
- + Thu hút đầu tư du lịch sinh thái sông nước Đồng A nhằm tạo động lực phát triển cho đô thị;
- + Từng bước đầu tư lập QHCT các khu dân cư, khu thương mại dịch vụ... Thực hiện đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu QHCT;
- + Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch, thoát nước thải và nước mặt đô thị.

- Giai đoạn 2030÷2045

- + Xây dựng nâng cấp, hoàn thiện các tuyến đường chính đã có trong đô thị đảm bảo mỹ quan và quy mô. Hoàn chỉnh các công trình công cộng, dịch vụ đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ theo quy hoạch được duyệt.
- + Nạo vét, mở rộng, gia cố sông sinh thái Đồng A phục vụ thoát nước và tạo cảnh quan đô thị;

+ Thu hút đầu tư du lịch sinh thái sông nước Đồng A nhằm tạo động lực phát triển cho đô thị;

+ Từng bước đầu tư lập QHCT các khu dân cư, khu thương mại dịch vụ... Thực hiện đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu QHCT;

+ Đầu tư xây dựng hệ thống cấp điện, chiếu sáng các trục chính đô thị;

+ Cải tạo chỉnh trang các công trình công cộng, các khu dân cư hiện có, đáp ứng tiêu chí đô thị loại V.

b) Nguồn vốn: Nguồn vốn ngân sách, vốn xã hội hóa, vốn hỗ trợ phát triển và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. UBND huyện Vĩnh Lộc có trách nhiệm

- Hoàn chỉnh hồ sơ được duyệt theo quy định, tổ chức bàn giao hồ sơ, tài liệu Quy hoạch chung đô thị Bông cho địa phương, làm cơ sở để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan tổ chức công bố rộng rãi nội dung Quy hoạch chung được duyệt chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày được phê duyệt đồng thời lưu trữ hồ sơ đồ án theo quy định.

- Rà soát kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp để điều chỉnh phù hợp với Quy hoạch chung đô thị được phê duyệt.

- Rà soát, phân loại các dự án đã được phê duyệt trước đây để có giải pháp thực hiện phù hợp định hướng Quy hoạch chung đô thị được phê duyệt.

- Tổ chức, chỉ đạo chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ quỹ đất quy hoạch xây dựng, quản lý việc xây dựng theo quy hoạch.

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, nguồn khai thác từ quỹ đất bằng các cơ chế chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Sở Xây dựng, các sở ngành, đơn vị chức năng liên quan theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Lộc và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
 - Lưu: VT, CN.
- H2.(2022)QDPD QHC DT Bong

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Xuân Liêm